

Số: **2067** /UBND-TH

Bình Định, ngày **26** tháng 5 năm 2016

V/v đề xuất thực hiện ý kiến chỉ đạo
của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản
số 3334/VPCP-KTTH ngày 12/5/2016
của Văn phòng Chính phủ

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 3334/VPCP-KHTH ngày 12/5/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả kiểm toán Chuyên đề phát hành và sử dụng vốn TPCP năm 2014 (Có kèm theo Báo cáo tóm tắt của Kiểm toán Nhà nước), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các cơ quan liên quan kiểm tra, đề xuất việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến địa phương; nêu ra những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phát hành, quản lý và sử dụng vốn Trái phiếu Chính phủ theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3334/VPCP-KHTH nêu trên (Có sao gửi kèm theo); trình UBND tỉnh trước ngày 06/06/2016 để xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Thủ trưởng các cơ quan liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PVP VX;
- Lưu: VT, K1, K17.



Trương Thanh Kết

Số: 3334 /VPCP-KTTH
V/v báo cáo kết quả kiểm toán Chuyên đề
phát hành, quản lý và sử dụng vốn TPCP
năm 2014

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2016

Kính gửi:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giao thông vận tải, Quốc phòng;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước.

Về kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại các văn bản số 191/KTNN-TH ngày 24 tháng 3 năm 2016 và số 189/BC-KTNN ngày 24 tháng 3 năm 2016 về báo cáo tóm tắt kết quả kiểm toán Chuyên đề phát hành, quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

Yêu cầu các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giao thông vận tải, Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu trên theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có) và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả phát hành, quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 6 năm 2016 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2016.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các cơ quan biết, thực hiện./.

(Xin gửi kèm theo các văn bản số 191/KTNN-TH và số 189/BC-KTNN của Kiểm toán Nhà nước)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Vương Đình Huệ (để b/c);
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp;
- Lưu: VT, KTTH (3), Tiển. 78

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Sỹ Hiệp

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **191**/KTNN - TH

Hà Nội, ngày **24** tháng 3 năm 2016

V/v gửi Báo cáo tóm tắt kết
quả kiểm toán Chuyên đề phát
hành, quản lý và sử dụng vốn

trái phiếu Chính phủ năm 2014
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

G. C. 25/3
Kính chuyển: **CMA**

Thực hiện Quyết định số 309/QĐ-KTNN ngày 26/3/2015 của Tổng Kiểm
toán nhà nước về việc kiểm toán Chuyên đề phát hành, quản lý và sử dụng vốn
trái phiếu Chính phủ năm 2014.

Trên cơ sở nội dung Báo cáo kiểm toán Chuyên đề phát hành, quản lý và
sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014 đã được phát hành theo quy định,
Kiểm toán nhà nước tổng hợp, lập Báo cáo tóm tắt kết quả kiểm toán báo cáo
Thủ tướng Chính phủ.

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi tới Thủ tướng Chính phủ Báo cáo tóm
tắt kết quả kiểm toán kèm theo Công văn này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Quang Thành;
- KTNN chuyên ngành II;
- Văn phòng KTNN;
- Vụ Tổng hợp (03 bản);
- Lưu: Văn thư

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Nguyễn Hữu Vạn

Số: 189/BC-KTNN
VAN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CÔNG VĂN ĐẾN

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

CHUYÊN ĐỀ PHÁT HÀNH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

Kính chuyển: (07)..... VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014

Từ
nhưng

Thực hiện Nghị quyết số 50/2013/QH13 ngày 21/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kết quả giám sát việc thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP) cho đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006 - 2012, trong đó có giao Kiểm toán nhà nước (KTNN) bổ sung kế hoạch kiểm toán năm 2013 và các năm sau để kiểm toán toàn diện chương trình TPCP, năm 2015, KTNN đã tiến hành kiểm toán Chuyên đề việc phát hành, quản lý và sử dụng vốn TPCP năm 2014 tại 07 bộ, ngành và 56 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (chi tiết tại Phụ lục số 01/BCKT-TPCP đính kèm).

KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội, Chính phủ một số kết quả kiểm toán chủ yếu như sau:

1. Những kết quả đã đạt được

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và UBTVQH về phát hành TPCP, dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cùng các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực huy động được nguồn vốn TPCP đáng kể, bổ sung nguồn lực quan trọng để chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong điều kiện NSNN còn rất hạn hẹp (năm 2014, Chính phủ đã phân bổ 99.544,4 tỷđ¹). Nhờ có nguồn vốn này đã góp phần quan trọng, tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội; tăng cường an ninh, quốc phòng, đặc biệt là đối với những vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn; việc phân bổ và giao vốn TPCP trung hạn đã tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương chủ động trong việc sắp xếp, bố trí nguồn lực theo thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung bố trí cho các dự án đã hoàn thành, dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2013 và 2014, qua đó đã giảm dần tỷ lệ nợ đọng xây dựng cơ bản, giảm thiểu tình trạng lãng phí do bố trí vốn dàn trải (năm 2014 có 40/60 bộ, ngành, địa phương được kiểm toán còn có nợ đọng XDCB từ nguồn TPCP 5.052 tỷđ, năm 2013 có 49/59 bộ, ngành, địa phương được kiểm toán có nợ đọng XDCB từ nguồn TPCP 8.581 tỷ đồng).

¹ Lĩnh vực giao thông 56.704,3 tỷđ, chiếm 57%; thủy lợi 17.307,4 tỷđ, chiếm 17%; y tế 10.758 tỷđ, chiếm 10,8 %. ký túc xá sinh viên 130,3 tỷđ, chiếm 0,13%; các công trình thuộc dự án Tái định cư Thủy điện Sơn La 2.069,7 tỷđ chiếm 2,08%, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 4.792 tỷđ, chiếm 4,8% và đối ứng các dự án ODA 7.782,6 tỷđ chiếm 7,82%.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác phát hành, quản lý và sử dụng vốn TPCP năm 2014. Cụ thể:

2.1. Về ban hành các văn bản hướng dẫn chỉ đạo điều hành

Một số văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới còn có nội dung chưa phù hợp, thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời làm phân tán nguồn lực, chậm hoàn thành mục tiêu đối với chương trình².

2.2. Công tác phát hành TPCP năm 2014: Tỷ lệ phát hành vốn TPCP có kỳ hạn ngắn, nhất là kỳ hạn dưới 03 năm tuy có giảm so với năm 2013 song vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số phát hành (133.804,6/248.024,3 tỷđ, chiếm 53,94%, năm 2013 chiếm 80,26%), gây áp lực trả nợ trong ngắn hạn³.

2.3. Công tác xây dựng nhu cầu vốn năm 2014 chưa phù hợp, như: Chưa theo thứ tự ưu tiên⁴; chưa căn cứ tiến độ nên một số dự án còn dư vốn lớn chưa giải ngân được phải điều chỉnh kế hoạch vốn hoặc kéo dài thời gian thanh toán⁵; xây dựng kế hoạch vốn cho dự án đã quyết toán dự án hoàn thành và không có nhu cầu vốn, dẫn đến không giải ngân được⁶; xây dựng vượt kế hoạch vốn giai đoạn⁷; đăng ký cho các dự án đã bố trí đủ vốn⁸; không căn cứ TMĐT dự án được

² Văn bản số 582/BNN-KTHT ngày 20/02/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn phân bổ nguồn vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014 quy định mức hỗ trợ cho từng đối tượng xã (bao gồm cả các xã không đạt 13 tiêu chí), dẫn đến việc phân bổ vốn phân tán, thiếu tập trung nguồn lực, chậm hoàn thành mục tiêu đối với chương trình (không phù hợp với Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ). Trong khi đó tại Quyết định số 131/QĐ-BKHĐT ngày 25/01/2014 của Bộ KH&ĐT về việc giao kế hoạch vốn TPCP năm 2014 thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới lại xác định nhiệm vụ chỉ bao gồm đối tượng là các xã đạt từ 13 tiêu chí trở lên. Tuy nhiên, ngày 07/3/2014 Bộ NN&PTNT đã ban hành Văn bản số 826/BNN-VPĐP về việc bổ sung hướng dẫn phân bổ nguồn vốn TPCP thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014, trong đó nêu rõ ngoài các nguyên tắc đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ cho các xã nghèo, các xã điểm, các địa phương cần tập trung ưu tiên cho các xã về đích năm 2015. Bên cạnh đó, các địa phương cần quan tâm bố trí kinh phí cho các xã còn lại nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới đều khắp ở các địa phương trong cả nước.

³ Tỷ lệ phát hành kỳ hạn 364 ngày là 26.402 tỷđ, chiếm 10,64%; 2 năm là 34.189,9 tỷđ, chiếm 13,78%; 03 năm là 73.212,7 tỷđ chiếm 29,52%.

⁴ Chưa ưu tiên xây dựng kế hoạch vốn cho các dự án đã hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2013, dự án dự kiến hoàn thành năm 2014...

⁵ Tỉnh Tây Ninh: Các dự án đối ứng ODA không sát nên chỉ giải ngân được 3,79% KHV; Hòa Bình giải ngân đạt 61,4%; An Giang 79%, Đồng Tháp 68,3%, Bắc Kạn 69,5%, Bến Tre 60,42%, Cần Thơ 64%

⁶ Tỉnh Lâm Đồng: Một số dự án thuộc Đề án 47 số tiền 2.025trđ.

⁷ Tỉnh Hòa Bình: Xây dựng KHV cho dự án Dân Hạ - Độc vượt 20.000trđ KHV giai đoạn 2012-2015; Sóc Trăng: Thời điểm lập và dự kiến bố trí vốn cho dự án Đường tỉnh 940 vượt KHV giai đoạn 2012-2015: 3.773trđ; Cà Mau: Dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Viên An vượt 2.052 trđ; Vĩnh Long: Dự án kênh sông Cổ Chiên - TP.Vĩnh Long mức vốn TPCP 1.000.000trđ đơn vị xây dựng kế hoạch vốn 1.417.000trđ, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Vĩnh Long mức vốn TPCP 54.000trđ đơn vị xây dựng 88.015trđ; Cần Thơ: Sở GTVT đăng ký vốn năm 2014 là 118.313 trđ (đăng ký hết giá trị đầu tư còn lại theo tổng mức đầu tư điều chỉnh chưa được phê duyệt), vượt tổng mức vốn đã được TW giao giai đoạn 2012-2015 là 85.783 trđ). Quận Thốt Nốt: đăng ký nhu cầu vốn năm 2014 vượt tổng mức vốn còn lại của giai đoạn 2012-2015 của dự án Bệnh viện đa khoa quận Thốt Nốt 4.454 trđ. BQLDA ĐTXD TP Cần Thơ: Dự án kênh sông Cần Thơ vốn còn lại chưa phân bổ 108.037trđ nhưng đăng ký 211.000 trđ.

⁸ Thành phố Cần Thơ: Huyện Vĩnh Thạnh đăng ký 3 danh mục công trình (đường ô tô đến trung tâm xã Vĩnh Bình, đường T7 (Thanh Mỹ - Thanh Lộc), đường ô tô đến trung tâm xã Thanh Lợi) đã được giao đủ vốn TPCP theo tổng mức đầu tư được TW chấp thuận và đủ vốn giai đoạn 2012-2015, Huyện Phong Điền: đăng ký nhu cầu vốn cho dự án đường ngã ba Vàm Bi-xã Trường Hòa- Bốn Tổng.

duyet⁹, không báo cáo chính xác số liệu đã phân bổ hàng năm¹⁰, dẫn đến xác định vượt nhu cầu; đăng ký cho một số dự án cao hơn nhu cầu chủ đầu tư đăng ký¹¹, hoặc chủ đầu tư không đăng ký¹²; đăng ký cho chương trình Kiên cố hóa trường lớp học đã được phân bổ hết từ năm 2013¹³; xây dựng cho dự án không được sử dụng vốn TPCP¹⁴; đối ứng cho dự án ODA không đúng đối tượng¹⁵, vượt tỷ lệ¹⁶, chưa ký hiệp định, văn kiện dự án với nhà tài trợ¹⁷.

2.3. Công tác phân bổ, thông báo và điều chỉnh kế hoạch vốn

Công tác phân bổ vốn từ trung ương đến các bộ, ngành, địa phương tuy đã khắc phục nhiều so với năm 2013 song vẫn còn một số tồn tại như:

- *Phân bổ vốn của trung ương cho các bộ, địa phương*: Giao chưa sát và không phù hợp với nhu cầu¹⁸; thậm chí giao cho dự án địa phương không đăng

⁹ Tỉnh Yên Bái: Dự án đường Mường La - Mù Cang Chải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vốn giai đoạn 2012-2015 là 324.763 triệu đồng. Tuy nhiên, theo quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt dự án thì TMĐT của dự án là 299.819 triệu đồng và sử dụng 100% vốn TPCP, như vậy TMĐT cho dự án vượt 24.944 triệu đồng. Tính đến thời điểm kiểm toán 30/6/2015 dự án đã được phân bổ kế hoạch vốn là 309.855trđ vượt 10.036trđ. Ngày 31/7/2015, UBND tỉnh Yên Bái đã có Văn bản số 1664/UBND-XD về việc điều chỉnh kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 tỉnh Yên Bái báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét cho phép điều chuyển số vốn trái phiếu Chính phủ còn dư (24.944 triệu đồng) của dự án Đường Mường La - Mù Cang Chải cho dự án đường Trạm Tấu - Bắc Yên để thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự án.

¹⁰ Tỉnh Bạc Liêu: Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lợi được phê duyệt tại Quyết định số 2107/QĐ-UBND 16/9/2009 với tổng mức đầu tư là 67,547 tỷ đồng, trong đó vốn trái phiếu Chính phủ là 54,038 tỷ đồng. Lũy kế đến cuối năm 2014, tổng giá trị vốn TPCP đã phân bổ cho dự án là 59.839 triệu đồng, cao hơn tổng mức vốn TPCP được duyệt cho dự án 5.800 triệu đồng. Nguyên nhân do địa phương khi báo cáo đăng ký nhu cầu vốn giai đoạn 2012-2015 và vốn bổ sung giai đoạn 2014-2016 đã không cập nhật đúng số liệu đã phân bổ vốn năm 2011 vào tổng số vốn đã phân bổ cho dự án 5.800 trđ; Thành phố Cần Thơ: Khi xác định nhu cầu một số dự án đã không xác định số đã phân bổ từ những năm trước nên đã xác định nhu cầu và được Trung ương bổ sung KHV giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 vượt 289.964trđ; Tỉnh Yên Bái: (i) Dự án đường Trạm Tấu - Bắc Yên: khi đăng ký vốn trái phiếu Chính phủ cho dự án, tỉnh Yên Bái chưa cập nhật đầy đủ số vốn NSNN đã bố trí cho dự án 5.250 triệu đồng, do vậy, tỉnh đã đăng ký và được TW phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ cho dự án 50.164 triệu đồng (bằng tổng mức đầu tư của dự án), vượt 5.250 triệu đồng, số vốn này Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đã có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xin điều chỉnh sang dự án khác; (ii) Dự án Đường đến trung tâm xã Chế Tạo: khi đăng ký vốn trái phiếu Chính phủ cho dự án, tỉnh chưa cập nhật đầy đủ số vốn NSNN đã bố trí cho dự án 1.247 triệu đồng; do vậy, tỉnh đã đăng ký vốn trái phiếu Chính phủ cho dự án với số vốn là 121.052 triệu đồng (bằng tổng mức đầu tư của dự án), vượt 1.247 triệu đồng.

¹¹ Một số dự án của tỉnh Thái Nguyên, Cà Mau.

¹² Tỉnh Vĩnh Long: Bệnh viện đa khoa huyện Trà Ôn 2.000trđ; Bệnh viện đa khoa huyện Long Hồ 3.000trđ; Bệnh viện đa khoa huyện Bình Minh 7.000trđ; Bệnh viện đa khoa huyện Vũng Liêm 6.000trđ; Bạc Liêu: Huyện Giá Rai không đăng ký dự án BVĐK huyện Giá Rai nhưng tỉnh đăng ký 24.117 trđ.

¹³ Tỉnh Yên Bái, Bạc Liêu.

¹⁴ Tỉnh Kiên Giang, Điện Biên, Thái Bình, Lào Cai, thành phố Cần Thơ.

¹⁵ Tỉnh Nam Định, Thái Bình, Gia Lai, Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Nam....

¹⁶ Tỉnh Bắc Kạn: Dự án Đường GTNT Nông Hạ - Yên Hân, huyện Chợ Mới vượt 1.858trđ; Gia Lai: Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Gia Lai do WB tài trợ: Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi số 1051/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh Gia Lai ghi mức vốn đối ứng ngân sách nhà nước 30,531 tỷ VNĐ, mức vốn TW hỗ trợ tối đa là 15.265,5trđ, tổng kế hoạch vốn đã bố trí là 23.871trđ¹⁶ vượt 8.605,5trđ.

¹⁷ Tỉnh Long An: Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Tân An; Tây Ninh: Dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị xã Tây Ninh; Bộ Y tế: Dự án cung cấp TTBYT cho Bệnh viện T-M-H (vốn Hàn Quốc).

¹⁸ Tỉnh Phú Thọ: Ngành giao thông dự án hoàn thành đã bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2013 giao 68.308trđ/11.530trđ nhu cầu, ngành thủy lợi dự án giãn, hoãn tiến độ thực hiện, bố trí vốn để thanh toán khối lượng đã thực hiện và đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý giao 325.000trđ/534.640trđ; Bộ GTVT: Dự án Quốc lộ 22B giao 0đ/1.000trđ nhu cầu, dự án nâng cấp Quốc lộ 60 (đoạn Trung Lương - Rạch Miễu) giao 5.000trđ/7.000trđ nhu cầu, dự án Cầu Hàm Luông (QL 60) giao 4.490trđ/7.500trđ nhu cầu, dự án Đường Hồ Chí Minh - tuyến chính (bao gồm: đường vào trung tâm di sản văn hoá Phong Nha - Kẻ Bàng, sân bay Khe Gát, kiên cố hoá) giao 24.595trđ/41.595trđ nhu cầu, dự án Quốc lộ 57 (Mô Cày - Vĩnh Long) giao 26.400trđ/51.400trđ nhu cầu, dự án Bền vững hoá công trình do mưa lũ gây ra năm 2009 trên đường Hồ Chí Minh đoạn Quảng Bình -

ký¹⁹; dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn vượt mức vốn TPCP được phê duyệt cho dự án²⁰; giao cho dự án không thuộc danh mục dự án được sử dụng vốn TPCP²¹; giao kế hoạch vốn dần trải, quá thời gian quy định; phân bổ vốn đối ứng cho một số dự án ODA mà trong quyết định phê duyệt dự án xác định đối ứng là NSDP hoặc nguồn vốn khác²², vượt tỷ lệ vốn đối ứng²³, phân bổ khi dự án chưa ký hiệp định, văn kiện dự án với nhà tài trợ²⁴.

- *Công tác phân bổ kế hoạch vốn của các bộ, địa phương*: Phân bổ chưa sát thực tế, phải điều chỉnh, trong đó có dự án điều chỉnh lớn²⁵, thậm chí phải điều chỉnh toàn bộ kế hoạch sang dự án khác²⁶; hoặc phải kéo dài thanh toán sang năm sau, trong khi có nhiều dự án còn thiếu vốn, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn; phân bổ chậm²⁷; không phân bổ hết số vốn được trung ương giao²⁸; phân bổ vượt tổng mức vốn TPCP được hỗ trợ²⁹, vượt tổng mức đầu tư được duyệt³⁰, sai đối tượng³¹; điều chỉnh kế hoạch vốn không chính xác, dẫn đến kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh vượt kế hoạch vốn giai đoạn³².

Phân bổ vốn TPCP cho Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới: Vượt định mức quy định; dần trải, thiếu tập trung, làm phân tán nguồn vốn đầu tư³³; không giao vốn cụ thể theo quy định³⁴; không báo cáo Thường trực HĐND

Kon Tum (TP2) giao 2.200trđ/20.200trđ nhu cầu; Điện Biên: Dự án giảm nghèo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2015 tính lập nhu cầu vốn năm 2014 là 1.576trđ, nhưng được Bộ KH&ĐT giao 2.500trđ; Bạc Liêu: Địa phương dự kiến phân bổ 3.400 trđ cho dự án xây dựng cầu và đường kênh 30/4 nhưng TW giao 5.400 trđ.

¹⁹ Tỉnh Điện Biên: Dự án đường Km37 Quốc lộ 279 - Nậm Lịch, tỉnh không đăng ký nhưng được giao 872trđ.

²⁰ Tỉnh Hậu Giang: Đường ô tô về trung tâm xã Hòa Tiến vượt 2.484trđ so với mức vốn TPCP trong tổng mức đầu tư được duyệt; Cà Mau: Đường ô tô đến trung tâm xã Viên An vượt 2.052 trđ.

²¹ Tỉnh Kiên Giang: Dự án Cầu Nguyễn Trung Trực; Điện Biên: Phòng khám đa khoa khu vực Mường Toong, Mường Nhé 19trđ, Phòng khám đa khoa khu vực Pú Từu 5.000trđ; Lào Cai: Phòng khám đa khoa (PKĐK) Xuân Quang - huyện Bảo Thắng; PKĐK Phong Hải huyện Bảo Thắng; PKĐK Tân An - Văn Bàn và PKĐK Pom Hán Lào Cai;

²² Tỉnh Bình Định, Ninh Thuận, Quảng Nam, Vĩnh Long, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Nghệ An, Phú Yên, Thái Nguyên, Bến Tre, Tiền Giang, Điện Biên, Phú Thọ, Yên Bái, Cà Mau, Hậu Giang, Lâm Đồng, Quảng Bình, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Nam Định, Bạc Liêu.

²³ Tỉnh Gia Lai, Hưng Yên.

²⁴ Tỉnh Long An, Tây Ninh, Bộ Y tế.

²⁵ Bộ GTVT: Dự án ĐTXD luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu giảm 622.000trđ/1.885.000trđ kế hoạch, bằng 33%, Hàm Đèo Cả giảm 236.256trđ/449.000 trđ kế hoạch, bằng 53%, Đường Hồ Chí Minh đoạn Củ Chi - Đức Hòa, Thạnh Hóa - Mỹ An giảm 100.000trđ/230.000trđ kế hoạch, bằng 43%, 05 dự án Quốc lộ 1^a điều chỉnh lần 01 giảm 817.000trđ/4.520.000trđ, bằng 18% và 20 dự án tại văn bản số 9273/BGTVT-KHĐT ngày 31/7/2014 giảm 1.387.769trđ/4.868.585trđ kế hoạch, bằng 29%...

²⁶ Tỉnh Thanh Hóa: dự án dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Hoa Lộc đến đê biển Minh Lộc, cầu De và tuyến nhánh đến UBND xã Hưng Lộc huyện Hậu Lộc chưa chính xác nên vốn được bố trí nhưng dự án không được triển khai phải điều chỉnh cho dự án khác 10.000 trđ.

²⁷ Tỉnh Bến Tre thông báo KHV cho lĩnh vực Y tế; Vĩnh Long: Bổ sung KHV cho dự án BV ĐK TP Vĩnh Long

²⁸ Tuyên Quang, Lạng Sơn.

²⁹ Tỉnh Tiền Giang bố trí cho dự án Phòng khám đa khoa khu vực thị trấn Cai Lậy vượt 167trđ; Trà Vinh: Dự án Đường đến trung tâm xã Định An vượt 151,236trđ.

³⁰ Thành phố Cần Thơ: Dự án đường nối TX Vị Thanh - tỉnh Hậu Giang với TP Cần Thơ.

³¹ Tỉnh Bắc Giang, Sơn La, Vĩnh Long, Hà Tĩnh, Gia Lai và Hậu Giang phân bổ kế hoạch vốn để mua sắm trang thiết bị y tế không phù hợp với Quyết định số 3333/QĐ-BYT ngày 08/9/2008 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu phục vụ triển khai Đề án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện, bệnh viện đa khoa khu vực liên huyện sử dụng vốn TPCP và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2008-2010.

³² Tỉnh Hòa Bình: Dự án Hồ Trù Bạ năm 2014 điều chỉnh giảm KHV giai đoạn 2012-2015 từ 27.005trđ xuống còn 20.205trđ song thực tế dự án đã được phân bổ 25.460trđ.

³³ Tỉnh Lai Châu, Hà Tĩnh, Cà Mau, Điện Biên...

³⁴ Tỉnh Hà Tĩnh, Bạc Liêu, Lạng Sơn.

cho ý kiến trước khi thực hiện³⁵; phân bổ vốn chậm³⁶ và không phân bổ hết ngay từ đầu năm, thậm chí thực hiện phân bổ vốn vào năm 2015³⁷; phân bổ cho một số công trình, dự án không có tên trong Đề án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt³⁸; phân bổ không đúng nguyên tắc đã được Thường trực HĐND thông qua³⁹; phân bổ vốn cho các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới⁴⁰.

2.5. Công tác giải ngân, thanh quyết toán

- *Công tác giải ngân, thanh toán*: Quản lý vốn tạm ứng còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến có dự án đã hoàn thành từ nhiều năm trước hoặc hết thời hạn thực hiện hợp đồng vẫn chưa thu hồi tạm ứng⁴¹; một số dự án đã thanh toán trên 80% khối lượng chưa được thu hồi⁴²; cá biệt có những dự án ứng từ nhiều năm trước song đến nay vẫn chưa có khối lượng để hoàn ứng⁴³ hoặc dự án đã hoàn thành, quyết toán song chưa thu hồi⁴⁴; có dự án đã tạm dừng thi công, tạm dừng thực hiện hợp đồng từ nhiều năm trước song đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa thu hồi tạm ứng⁴⁵; ứng quá thời hạn quy định xong chưa thu hồi⁴⁶; cho tạm ứng khi chưa có hồ sơ⁴⁷; tạm ứng vượt tỷ lệ⁴⁸; tỷ lệ giải ngân tại một số địa phương đạt thấp⁴⁹, dẫn đến vốn vay chậm phát huy tác dụng trong khi phải trả lãi vay.

Sử dụng vốn TPCP sai quy định, thanh toán cho những nội dung không thuộc phạm vi sử dụng vốn TPCP hoặc cho những khối lượng vượt quy mô vẫn xảy ra tại một số địa phương, như: (i) Lĩnh vực giao thông, thủy lợi: 01/56 địa phương

³⁵ Tỉnh Hòa Bình; một số huyện của tỉnh Yên Bái; Bến Tre, Vĩnh Phúc

³⁶ Tỉnh Thái Bình, Tiền Giang, Nam Định, Cà Mau, Điện Biên, Yên Bái, Thanh Hóa, Cần Thơ...

³⁷ Một số huyện của Tỉnh Thái Bình.

³⁸ Tỉnh Thái Nguyên, Gia Lai, Hưng yên, Sóc Trăng, Vĩnh Long.

³⁹ Tỉnh Ninh Thuận: UBND các huyện giao hết kế hoạch vốn năm 2014 cho 20/47 xã nông thôn mới mà không thực hiện theo nguyên tắc Thường trực HĐND thông qua “Đảm bảo bố trí ưu tiên cho các xã đặc biệt khó khăn miền núi, bãi ngang; các xã phấn đấu đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm 2015 là 11 xã”.

⁴⁰ Tỉnh Hậu Giang: Giao 10,4 tỷđ cho xã Thành Đạt và xã Vị Thanh đã đạt chuẩn nông thôn mới trước thời điểm được TW phân bổ vốn.

⁴¹ Tỉnh Lai Châu: dự án Đường Nậm Khao Tà Tổng đã hoàn thành năm 2012 nhưng chưa thu hồi ứng 146,274trđ, dự án Đường Pa Vệ Sủ - Sín Chải huyện Mường Tè gói thầu xây lắp số 12 đã hết thời gian thực hiện hợp đồng chưa thu hồi ứng 1,07 tỷđ;

⁴² Tỉnh Cà Mau: 19 công trình đã hoàn thành hơn 80% khối lượng thực hiện nhưng chưa thu hồi hết tạm ứng 27.829 trđ; Bến Tre: Dự án trường THPT Bến Tre.

⁴³ Tỉnh Quảng Ngãi: Đường Trà Thọ - Trà Lãnh tạm ứng từ năm 2009 số tiền 0,497 tỷđ nhưng vẫn chưa có khối lượng để thu hồi.

⁴⁴ Tỉnh Quảng Ngãi: Đường Trà My - Trà Bồng - Dung Quất (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) 516,2trđ tạm ứng năm 2011 cho Trung tâm phát triển quỹ đất Bình Sơn, dự án đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định 1894/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi nhưng Trung tâm vẫn chưa hoàn ứng; Hưng Yên: Dự án xây dựng Trạm bơm Tam Đô, Dự án Nhà lớp học Trường mầm non, tiểu học xã Bảo Khê, Dự án Mua sắm hệ thống Lò đốt rác thải y tế TTYT Khoái Châu, Dự án xây dựng Trạm bơm Văn Phú giai đoạn 2 huyện Mỹ Hào.

⁴⁵ Tỉnh Quảng Ngãi: Đường Ba Tư - Ba Lễ 3,73 tỷđ tạm ứng từ năm 2009 cho Liên danh Công ty TNHH Hưng Phát và Xí nghiệp xây dựng An Huy Quảng Ngãi nhưng đơn vị thi công không thực hiện. UBND huyện Ba Tư đã chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an và Tòa án, hiện Tòa án nhân dân huyện Ba Tư đang thụ lý hồ sơ; Ninh Bình: Dự án Hạ tầng thủy lợi Đề Cầm cút Gia Viễn ứng từ năm 2008 chưa được thu hồi; Cần Thơ: Dự án Bờ kè sông Cần Thơ chủ đầu tư chưa thu hồi tạm ứng chi phí giám sát 0,14 tỷđ khi chấm dứt hợp đồng (gói thầu số 06, 08).

⁴⁶ Tỉnh Quảng Ngãi: Đường ven biển Dung Quất Sa Huỳnh (giai đoạn I đoạn Dung Quất-Trà Khúc) 5,14 tỷđ tạm ứng từ năm 2010 (gói thầu số 21), Di dân tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong tạm ứng từ năm 2012 trở về trước 1,48 tỷđ; Phú Yên: số dư tạm ứng quá 6 tháng chưa thu hồi 23,8 tỷđ...

⁴⁷ Tỉnh Phú Thọ: dự án Đường Tam Đường-Bản Hòn-Bình Lư tạm ứng từ 26/4/2014 nhưng đến tháng 05/2015 vẫn chưa có hồ sơ tạm ứng tại KBNN.

⁴⁸ Tỉnh Thái Bình: Dự án đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình – Giai đoạn 2 tạm ứng vượt 23,9 tỷđ.

⁴⁹ Tỉnh Hòa Bình giải ngân đạt 61,4%; An Giang 79%, Đồng Tháp 68,3%, Bắc Cạn 69,5%, Bến Tre 60,42%, Cần Thơ 64% ...

được kiểm toán thanh toán cho các dự án không có trong danh mục dự án được sử dụng vốn TPCP theo quy định 80tỷđ (Dự án Cầu Nguyễn Trung Trực - tỉnh Kiên Giang); 01/56 địa phương thanh toán cho phần vượt quy mô 1,1 tỷđ (tỉnh Quảng Ninh); 06/56 địa phương thanh toán cho những nội dung công việc mà theo quyết định đầu tư sử dụng nguồn vốn khác 49,719tỷđ⁵¹; thanh toán vượt tổng mức vốn TPCP giai đoạn 2012 - 2015 hoặc vượt tỷ lệ vốn được TW hỗ trợ 151,24 trđ (tỉnh Trà Vinh); (ii) Lĩnh vực y tế: 02/56 địa phương được kiểm toán thanh toán cho các dự án không có trong danh mục dự án được sử dụng vốn TPCP theo quy định 27,2 tỷđ⁵²; 06/56 địa phương mua sắm trang thiết bị y tế cho một số dự án bệnh viện thuộc Đề án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện và bệnh viện đa khoa khu vực liên huyện sử dụng vốn TPCP và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2008-2010 (Đề án 47) không phù hợp với quy định tại Quyết định số 3333/QĐ-BYT ngày 8/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu phục vụ triển khai đề án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp bệnh viện đa khoa tuyến huyện 37,126tỷđ⁵³; (iii) Lĩnh vực kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên: Tỉnh Điện Biên sử dụng vốn TPCP mua sắm trang thiết bị không đúng quy định 26,99 tỷđ; (iv) nghiệm thu, thanh toán sai khối lượng, đơn giá tại hầu hết các dự án được kiểm toán chi tiết với tổng số tiền 510,65tỷđ.

- *Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành*: Việc lập, gửi hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành của các chủ đầu tư không đảm bảo thời gian theo quy định; công tác phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư đối với một số dự án hoàn thành chậm xảy ra ở hầu hết địa phương được kiểm toán. Công tác quyết toán đối với một số dự án chưa phù hợp quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính⁵⁵.

2.6. Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

- *Công tác lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh dự án đầu tư*: Không lập và trình duyệt chi phí chuẩn bị đầu tư; phê duyệt quy mô, diện tích vượt tiêu chuẩn; quy mô không phù hợp với thiết kế cơ sở, khả năng cân đối vốn, phải điều chỉnh và thiết kế lại, gây lãng phí NSNN; phê duyệt dự án không nêu rõ phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khi đã triển khai thi công, thậm chí có dự án không lập; phê duyệt dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn, chưa lường hết được khối lượng cần thiết phải đầu tư, phải điều chỉnh, bổ sung; phê duyệt điều chỉnh dự án, tổng mức đầu tư

⁵¹ Thành phố Cần Thơ 30,81 tỷđ, tỉnh Hưng Yên 1,4tỷđ, Tiền Giang 0,167 tỷđ, Quảng Ngãi 3,869 tỷđ, Gia Lai 8,605 tỷđ, Lạng Sơn 4,863 tỷđ.

⁵² Tỉnh Điện Biên 17,85 tỷđ; Lào Cai 29,4 tỷđ.

⁵³ Tỉnh Bắc Giang, Sơn La, Vĩnh Long, Hà Tĩnh, Gia Lai và Hậu Giang.

⁵⁵ Một số báo cáo thẩm tra quyết toán tại phần nhận xét, kiến nghị cơ quan chủ trì thẩm tra chưa đánh giá đầy đủ việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với các kết luận, kiến nghị của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán cũng như đối với các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, báo cáo quyết toán của chủ đầu tư thiếu thuyết minh những thay đổi của dự án so với quyết định đầu tư.

nhưng không thẩm định; xác định cơ cấu vốn TPCP không phù hợp với ý kiến thẩm định của Bộ KH&ĐT.

- *Công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán*: Chất lượng công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán còn hạn chế, chưa phù hợp thực tế, phải điều chỉnh, bổ sung làm chậm tiến độ thực hiện; thậm chí có dự án được duyệt còn trùng lý trình đã được đầu tư từ nguồn vốn khác; lập không đầy đủ theo Tiêu chuẩn; khảo sát địa hình không chính xác; xác định cấp đất, đá không phù hợp, phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế BVTC; khảo sát chưa đảm bảo, phải khảo sát thiết kế lại; thiết kế không phù hợp với tiêu chuẩn và quyết định đầu tư, thiếu đồng bộ, không phù hợp làm giảm hiệu quả sử dụng; thiết kế BVTC còn chỉ rõ một số nhà sản xuất vật liệu, vật tư; bản vẽ thiết kế không đầy đủ, chưa phù hợp với thực tế hoặc quy hoạch, phải thay đổi; phê duyệt dự toán vượt tổng mức đầu tư; điều chỉnh thiết kế BVTC không phù hợp với thiết kế cơ sở, làm tăng chi phí khảo sát, thiết kế BVTC; phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công và tổ chức triển khai thi công không căn cứ vào kết quả khảo sát và ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, dẫn đến dự án đầu tư xong không phát huy hiệu quả, gây lãng phí.

- *Công tác lựa chọn nhà thầu*: Thiếu kế hoạch đấu thầu; phê duyệt kế hoạch đấu thầu chậm, không đúng thẩm quyền; hồ sơ mời thầu tại một số dự án còn chỉ rõ biện pháp, công tác thi công, nguồn gốc xuất xứ vật liệu; không đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên báo Đấu thầu; thông báo mời thầu không đủ 3 kỳ liên tiếp trên báo Đấu thầu; đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu không đúng quy định; hồ sơ trúng thầu không nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng trong công trình; khi chấm thầu không phát hiện bất hợp lý trong hồ sơ dự thầu nên đã đề nghị chủ đầu tư quyết định trúng thầu không chính xác hoặc chưa làm rõ năng lực của nhà thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; lựa chọn nhà thầu chưa đáp ứng năng lực theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, thậm chí một số nhà thầu năng lực không đảm bảo nên phải thay thế trong quá trình thi công; công tác phê duyệt giá gói thầu tại hầu hết các dự án còn chưa chính xác, còn trùng lặp khối lượng, sai đơn giá... dẫn đến xác định giá trúng thầu chưa chính xác.

- *Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng*: Ký hợp đồng trọn gói không phù hợp; hợp đồng trọn gói song trong điều khoản của hợp đồng cho phép điều chỉnh giá; chủ đầu tư chưa thương thảo hợp đồng trước khi ký hợp đồng; xác định hình thức hợp đồng chung chung; thanh toán chưa đúng cam kết của hợp đồng.

- *Công tác giám sát, quản lý chất lượng công trình*: Một số vật liệu đưa vào thi công khi chưa đầy đủ kết quả thí nghiệm, không phù hợp với tiêu chuẩn của HSMT; nghiệm thu, thanh toán không đúng biện pháp thi công, thậm chí nghiệm thu cả những khối lượng chưa thực hiện; chủ đầu tư chưa kiểm tra sự phù hợp của nhà thầu thi công so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, chưa kiểm tra về nhân lực, thiết bị; công tác ghi chép nhật ký còn sơ sài, thậm chí có dự án chưa lập nhật ký giám sát, cán bộ tham gia giám sát không đúng với cam

kết trong hồ sơ dự thầu; không lập hồ sơ bản vẽ hoàn công các bộ phận công trình; bản vẽ hoàn công không thể hiện đầy đủ các nội dung thay đổi, điều chỉnh thiết kế; thi công không đúng thiết kế và hồ sơ dự thầu; nhật ký giám chưa có xác nhận của chủ đầu tư.

- *Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:* Còn sai sót về khối lượng, đơn giá, định mức; nghiệm thu, thanh toán chưa đảm bảo đầy đủ hồ sơ, không đúng thực tế thi công...

- *Tiến độ thực hiện dự án:* Hầu hết các dự án còn chậm tiến độ. Nguyên nhân do thiếu vốn bố trí cho các dự án theo kế hoạch đầu tư hoặc đình hoãn giãn tiến độ nên không bố trí vốn, ngoài ra có dự án do công tác giải phóng mặt bằng gặp vướng mắc, điều kiện thi công gặp khó khăn, công tác khảo sát, thiết kế chưa phù hợp phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thi công và do năng lực nhà thầu hạn chế.

- *Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:* Lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư chưa chính xác, phải điều chỉnh nhiều lần, làm chậm tiến độ thực hiện; GPMB chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ, tăng chi phí đầu tư dự án; thành viên tham gia hội đồng không đầy đủ theo quy định; hồ sơ đền bù chưa đầy đủ; chủ đầu tư thực hiện tái định cư khi chưa có phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chưa xác định được số lượng hộ dân bị ảnh hưởng và cần bố trí tái định cư nhưng đã ký hợp đồng mua nền tái định cư với số lượng cao hơn nhu cầu thực tế; hồ sơ GPMB chưa thể hiện rõ các điều kiện được bồi thường...

Kết quả kiểm toán, KTNN đã giảm trừ 510,6 tỷđ, gồm: Sai khối lượng 268 tỷđ; sai đơn giá 79,3 tỷđ; sai khác 163,6 tỷđ.

2.7. Nợ đọng xây dựng cơ bản: Bộ KH&ĐT chỉ theo dõi nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn TPCP và vốn NSNN đến 30/6/2014 của toàn quốc nên KTNN không có căn cứ đánh giá số nợ đọng XDCB nguồn TPCP đến hết năm 2014. Qua kết quả kiểm toán cho thấy, tính đến hết 31/01/2015, có 40/60 bộ, ngành, địa phương được kiểm toán còn có nợ đọng XDCB từ nguồn TPCP 5.052 tỷđ, nguyên nhân một phần do chưa bố trí vốn trả nợ các dự án đã hoàn thành hoặc chưa bố trí do chờ quyết toán hoặc do một số nhà thầu thi công vượt kế hoạch vốn.

2.8. Về ứng trước kế hoạch vốn TPCP: Ứng trước kế hoạch cho một số dự án không phù hợp với mục tiêu ứng trước (các dự án cấp bách, còn thiếu vốn, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện) dẫn đến không giải ngân hết số vốn ứng, có dự án ứng trước kế hoạch vốn về tạm ứng toàn bộ số ứng trước cho nhà thầu; một số dự án ứng trước kế hoạch vốn vượt kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2015 và không được bổ sung giai đoạn 2014-2016 dẫn đến không có nguồn để thu hồi.

3. Kiến nghị

3.1. KTNN kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

3.1.1. Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị của KTNN. Trong đó:

(1) Xử lý tài chính 807,8 tỷđ (Thu hồi nộp NSNN 39,3 tỷđ; thu hồi tạm ứng sai quy định 1,59 tỷđ; giảm thanh toán 176 tỷđ; giảm giá gói thầu, giá hợp đồng 157,9 tỷđ; bố trí nguồn hoàn trả vốn TPCP 248,1 tỷđ; hủy kế hoạch vốn 41,3 tỷđ; xử lý khác 143,4 tỷđ - Chi tiết tại Phụ lục số 02/BCKT-TPCP).

(2) Chỉ đạo các bộ, ngành và các địa phương xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý theo quy định trong việc bố trí vốn TPCP sai danh mục, sai đối tượng, cụ thể:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong công tác tham mưu, trình Chính phủ phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án không có trong danh mục dự án được sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ; phân bổ cho các dự án ODA mà trong quyết định đầu tư xác định đối ứng từ NSDP; phân bổ không phù hợp nhu cầu đăng ký vốn; giao kế hoạch vốn dàn trải.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác ban hành Văn bản số 582/BNN-KTHT ngày 20/02/2014 về hướng dẫn phân bổ nguồn vốn TPCP thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2014 đã quy định cụ thể định mức hỗ trợ cho từng đối tượng xã, không phù hợp với Quyết định số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến phân tán, thiếu tập trung nguồn lực, chậm hoàn thành mục tiêu chương trình.

- Bộ Y tế trong việc chưa xây dựng, ban hành danh mục trang thiết bị chuẩn, quy chuẩn quốc gia về trang thiết bị và công trình y tế theo tuyến chuyên môn kỹ thuật, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện theo quy định theo nhiệm vụ được phân công trong Đề án “Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các bệnh viện chuyên khoa lao, tâm thần, ung bướu, chuyên khoa nhi và một số bệnh viện đa khoa tỉnh thuộc vùng miền núi, khó khăn sử dụng vốn TPCP và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2009-2013” được ban hành kèm theo Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 30/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến các địa phương lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện dẫn đến các địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện, không có căn cứ để kiểm tra kiểm soát...

- Các địa phương trong công tác xác định nhu cầu vốn đối ứng từ nguồn TPCP cho các dự án ODA mà trong quyết định đầu tư xác định đối ứng từ NSDP; phân bổ vốn chậm; không phân bổ hết KHV được trung ương giao; phân bổ vốn cho mua sắm trang thiết bị y tế, giáo dục sai quy định.

(3) Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư nâng cao trách nhiệm thẩm định trong công tác phân bổ vốn hàng năm, ứng trước kế hoạch vốn đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn TPCP; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, rà soát để loại khỏi danh mục dự án sử dụng vốn TPCP đối với các dự án không thuộc đối tượng cấp bách, trọng điểm, không đúng các Nghị quyết của UBTWQH; rà soát tất cả các dự án ODA để không bố trí vốn cho những dự án mà quyết định đầu tư xác định đối ứng từ NSDP hoặc nguồn vốn khác (không phải NSTW) theo đúng quy định.

(4) Chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nâng cao trách nhiệm trong công tác tham mưu, kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung của chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, đảm bảo đồng bộ, tạo thuận lợi cho các địa phương chủ động trong quá trình thực hiện.

(5) Thực hiện việc phát hành vốn TPCP theo đúng quy định tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị quyết số 99/2015/QH13 ngày 11/11/2015 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.

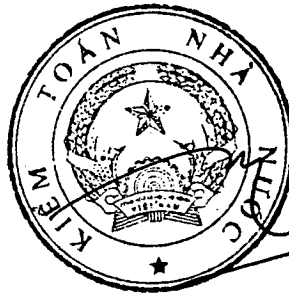
(6) Yêu cầu các địa phương bố trí nguồn vốn đối ứng kịp thời để thực hiện các dự án nhằm sớm phát huy hiệu quả vốn, đồng thời sớm đạt được mục tiêu đã đề ra và có chế tài xử lý đối với địa phương không thực hiện cân đối theo quy định.

Trên đây là một số kết quả kiểm toán chủ yếu đối với cuộc kiểm toán Chuyên đề phát hành, quản lý và sử dụng vốn TPCP năm 2014, KTNN trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban TCNS của Quốc hội;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Quang Thành;
- KTNN chuyên ngành II;
- Văn phòng KTNN;
- Vụ Tổng hợp (03 bản);
- Lưu: VT

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Nguyễn Hữu Vạn

DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

A KIỂM TOÁN TỔNG HỢP

- 1 Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 2 Bộ Tài chính
- 3 Kho bạc Nhà nước

B KIỂM TOÁN CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

- 1 Bộ Giao thông vận tải
- 2 Bộ NN &PTNT
- 3 Bộ Y tế
- 4 Bộ Quốc phòng
- 5 An Giang
- 6 Bình Định
- 7 Bắc Giang
- 8 Cần Thơ
- 9 Hải Dương
- 10 Ninh Thuận
- 11 Quảng Nam
- 12 Bắc Ninh
- 13 Lai Châu
- 14 Sơn La
- 15 Vĩnh Long
- 16 Đắk Lắk
- 17 Kon Tum
- 18 Đồng Nai
- 19 Đồng Tháp
- 20 Hà Nam
- 21 Hưng Yên
- 22 Hà Tĩnh
- 23 Nghệ An
- 24 Bà Rịa Vũng Tàu
- 25 Bình Thuận
- 26 Long An
- 27 Phú Yên
- 28 Sóc Trăng
- 29 Tây Ninh
- 30 Thái Bình
- 31 Thái Nguyên

- 32 Bến Tre
- 33 Tiền Giang
- 34 Trà Vinh
- 35 Bắc Cạn
- 36 Quảng Ngãi
- 37 Điện Biên
- 38 Phú Thọ
- 39 Yên Bái
- 40 Cà Mau
- 41 Cao Bằng
- 42 Đắk Nông
- 43 Gia Lai
- 44 Hà Giang
- 45 Hậu Giang
- 46 Kiên Giang
- 47 Lâm Đồng
- 48 Quảng Bình
- 49 Quảng Ninh
- 50 Vĩnh Phúc
- 51 Lào Cai
- 52 Hòa Bình
- 53 TP Hải Phòng
- 54 Tuyên Quang
- 55 Lạng Sơn
- 56 Bạc Liêu
- 57 Nam Định
- 58 Thanh hóa
- 59 Hà Nội
- 60 Ninh Bình

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI TỪ NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014

TT	Đơn vị	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm dự toán và giảm giá hợp đồng	Thu hồi tạm ứng sai quy định	Hoàn trả nguồn TPCP							Hủy kế hoạch vốn	Kiến nghị khác
							Tổng cộng	Sử dụng vốn TPCP thanh toán cho nội dung phải sử dụng NSDP và nguồn khác	Mua sắm trang thiết bị không đúng quy định tại QĐ 20/QĐ-TTg	Mua sắm TTB y tế không đúng hoặc vượt số lượng theo QĐ 3333/QĐ-BYT, QĐ 431/QĐ-BYT	Sử dụng TPCP cho phần tăng quy mô không đúng quy định tại QĐ 1790/QĐ- TTg	Ngoài danh mục Nghị quyết của Quốc hội	Thanh toán vượt tổng mức vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 hoặc vượt tỷ lệ vốn TPCP được TW hỗ trợ		
A	B	1=2+3+4+5+13+14	2	3	4	5	6=7+8+9+10+11+12	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng	807.836.803.780	39.317.573.046	176.070.698.606	157.959.921.011	1.596.000.000	248.109.648.475	49.719.814.248	26.995.793.000	37.126.155.227	1.100.000.000	127.216.650.000	5.951.236.000	41.333.000.000	143.449.962.642
1	Bộ GTVT	47.449.327.899	1.651.847.114	3.630.414.124	42.167.066.661		0								
2	Bộ NN và PTNN	5.208.342.053	1.960.554.172	3.247.787.881			0								
3	Bộ Y tế	12.438.036.000	510.235.000	2.928.136.000	8.999.665.000		0								
4	Bộ Quốc Phòng	116.979.575.418	710.771.647	1.994.458.509	3.147.834.280		0								111.126.510.982
5	An Giang	13.244.533.080	303.532.792	2.226.897.735	10.714.102.553		0								
6	Bình Định	3.837.233.392	132.409.944	1.408.084.304	2.296.739.144		0								
7	Bắc Giang	4.233.236.000	1.542.659.000	330.809.000	212.238.000	490.000.000	1.657.530.000			1.657.530.000					
8	Cần Thơ	38.680.367.239	530.436.519	4.007.351.284	159.302.000		30.810.476.000	30.810.476.000							3.172.801.436
9	Hải Dương	11.861.020.000		11.861.020.000			0								
10	Ninh Thuận	6.270.272.000	39.495.000	6.230.777.000			0								
11	Quảng Nam	2.145.212.774	336.008.186	1.553.822.587	255.382.000		0								
12	Bắc Ninh	3.185.928.000	75.625.000	3.110.303.000			0								
13	Lai Châu	2.127.130.661	16.171.310	1.383.167.945	727.791.406		0								
14	Sơn La	5.829.623.797	1.102.493.963	4.451.989.834			275.140.000			275.140.000					
15	Vĩnh Long	8.262.918.653	670.432.848	1.808.790.805			5.783.695.000			5.783.695.000					
16	Đắk Lắk	3.708.639.000	1.302.592.000	2.406.047.000			0								
17	Kon Tum	26.645.194.604	1.523.783.044	1.794.959.560	23.326.452.000		0								
18	Đồng Nai	0					0								
19	Đồng Tháp	1.065.590.468	382.853.468	682.737.000			0								
20	Hà Nam	14.566.199.000	5.634.620.000	8.521.043.000			0								410.536.000
21	Hưng Yên	9.439.064.248		4.403.377.000			1.404.674.248	1.404.674.248							3.631.013.000
22	Hà Tĩnh	14.670.784.074	81.707.760	1.069.565.761	4.584.710.553		8.934.800.000			8.934.800.000					
23	Nghệ An	13.888.666.000	97.820.000	4.600.722.000	9.190.124.000		0								
24	Bà Rịa Vũng Tàu	25.088.769.713	0	25.088.769.713			0								
25	Bình Thuận	3.989.467.516	331.351.000	560.878.256	3.097.238.260		0								
26	Long An	11.715.484.406	1.632.868.374	82.616.032			0							10.000.000.000	
27	Phú Yên	3.892.500.000	279.789.000	3.612.711.000			0								
28	Sóc Trăng	143.059.000	143.059.000				0								
29	Tây Ninh	23.949.119.544	566.291.753	3.382.827.791			0							20.000.000.000	
30	Thái Bình	3.606.815.782	172.743.813	3.434.071.969			0								
31	Thái Nguyên	465.353.000	0	465.353.000			0								
32	Bến Tre	2.011.612.000	1.498.221.000	513.391.000			0								
33	Tiền Giang	1.134.759.000	440.655.000	527.104.000			167.000.000	167.000.000							
34	Trà Vinh	1.416.192.200	1.264.956.200				151.236.000						151.236.000		
35	Bắc Cạn	2.140.164.079		2.140.164.079			0								
36	Quảng Ngãi	4.997.631.123	1.128.631.123				3.869.000.000	3.869.000.000							
37	Điện Biên	56.569.518.143	54.693.965	5.523.480.203	6.145.550.975		44.845.793.000		26.995.793.000			7.850.000.000			
38	Phú Thọ	7.020.629.919	1.156.676.956	2.165.121.454	3.131.168.704		0								567.662.805
39	Yên Bái	15.077.652.182	726.610.515	2.828.031.540	190.010.127		0							11.333.000.000	
40	Cà Mau	6.449.898.833	339.653.843	4.674.888.879		1.106.000.000									329.356.111
41	Cao Bằng	4.150.476.500		637.156.191			0								3.513.320.309
42	Đắk Nông	2.775.759.000	2.335.609.000	440.150.000			0								
43	Gia Lai	17.158.304.315	72.035.000	209.080.088			16.013.613.227	8.605.500.000		7.408.113.227					863.576.000
44	Hà Giang	7.170.748.481	714.776.877	6.380.971.604	75.000.000		0								
45	Hầu Giang	42.671.367.398	281.864.000	1.936.728.000	27.385.898.398		13.066.877.000			13.066.877.000					



TT	Đơn vị	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN	Giảm thanh toán	Giảm dự toán và giảm giá hợp đồng	Thu hồi tạm ứng sai quy định	Hoàn trả nguồn TPCP						Hủy kế hoạch vốn	Kiến nghị khác	
							Tổng cộng	Sử dụng vốn TPCP thanh toán cho nội dung phải sử dụng NSDP và nguồn khác	Mua sắm trang thiết bị không đúng quy định tại QĐ 20/QĐ-TTg	Mua sắm TTB y tế không đúng hoặc vượt số lượng theo QĐ 3333/QĐ-BYT, QĐ 431/QĐ-BYT	Sử dụng TPCP cho phần tăng quy mô không đúng quy định tại QĐ 1790/QĐ- TTg	Ngoài danh mục Nghị quyết của Quốc hội			Thanh toán vượt tổng mức vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 hoặc vượt tỷ lệ vốn TPCP được TW hỗ trợ
A	B	1=2+3+4+5+13+14	2	3	4	5	6=7+8+9+10+11+12	7	8	9	10	11	12	13	14
46	Kiên Giang	101.383.553.000	0	16.732.069.000	4.373.842.000		80.000.000.000					80.000.000.000			277.642.000
47	Lâm Đồng	0					0								
48	Quảng Bình	2.300.674.000	0		2.300.674.000		0								
49	Quảng Ninh	1.782.251.000	526.013.000	156.238.000			1.100.000.000	0			1.100.000.000			0	
50	Vĩnh Phúc	2.184.545.000		2.184.545.000			0								
51	Lào Cai	39.823.631.499	1.707.945.032	6.400.909.517	2.348.126.950		29.366.650.000					29.366.650.000			
52	Hòa Bình	2.929.032.000	51.918.000	1.579.831.000	1.297.283.000		0								
53	TP Hải Phòng	0					0								
54	Tuyên Quang	993.708.000	34.553.000	168.719.000	0		0								790.436.000
55	Lạng Sơn	5.789.504.000	0		926.340.000		4.863.164.000	4.863.164.000							
56	Bạc Liêu	9.018.931.296		2.311.550.296	907.381.000		5.800.000.000						5.800.000.000		
57	Nam Định	20.730.674.492	71.580.828	1.916.745.664			0								18.742.348.000
58	Thanh hóa	2.953.361.000	966.925.000	1.986.436.000			0								
59	Hà Nội	1.412.608.000	1.148.155.000	239.693.000			0								24.760.000
60	Ninh Bình	7.202.154.000	3.063.948.000	4.138.206.000											

* **Ghi chú:** Xử lý khác 143.449.962.642đồng, gồm:

- Chưa đủ thủ tục nghiệm thu, thanh toán: 140.277.161.206đồng;

- Thanh toán vượt chi phí quản lý dự án theo giá trị nghiệm thu, đề nghị giảm trừ số vào chi phí giá trị nghiệm thu đợt sau đối với dự án 3.172.801.436đồng (Cần Thơ).